

BM15/QT10
Lần ban hành: 01

DANH MỤC KIỂM TRA

Hạng mục/Item: **LẮP ỐNG CẤP**

INSPECTION CHECKLIST

Tiêu chuẩn nghiệm thu TCVN 5593 : 1991
(Các chi tiết khác, xin tham khảo Tiêu chuẩn tương ứng)

THOÁT NƯỚC

Công trường/Project:

Khu vực/Area:

STT No	HẠNG MỤC Item	MÃ SỐ Code	SAI SỐ Tolerance	VỊ TRÍ 1/ Location 1			VỊ TRÍ 2/ Location 2			VỊ TRÍ 3/ Location 3			VỊ TRÍ 4/ Location 4			GHI CHÚ
				K.quả	Ngày	Ký	K.quả	Ngày	Ký	K.quả	Ngày	Ký	K.quả	Ngày	Ký	
	Sai số cho phép đối với lỗ chứa, rãnh để lắp đặt đường ống và thiết bị vệ sinh	11.1														
1	Trục của lỗ ở sàn gạch so với trục đứng của đường ống, nhà gạch và nhà lắp ghép	11.1.1	± 10 mm													
2	Trục của lỗ bắt bulông neo trong móng đặt thiết bị kỹ thuật vệ sinh, nhà gạch và nhà lắp ghép	11.1.2	± 10 mm													
3	Cao trình mặt trên của móng (không kể lớp đệm) đặt thiết bị kỹ thuật vệ sinh, nhà gạch và nhà lắp ghép	11.1.3	± 30 mm													
	Lắp đặt đường cống cấp nước sinh hoạt	11.2														
	Các sai số cho phép trong gia công các khâu nối gia công cho đường ống	11.2.1														
4	Kích thước đường thẳng của các chi tiết gia công đường ống so với quy định	11.2.1.1	2 mm													
5	Sai số kích thước đường thẳng của các khâu nối gia công cho đường ống	11.2.1.2	4 mm													

6	Giảm chiều dài ống khi uốn so với quy định	11.2.1.3	15 %													
7	Độ ô van của tiết diện chỗ uốn cong (tỷ lệ của hiệu số giữa đường kính ngoài của ống)	11.2.1.4	10 %													
	Sai số cho phép khi hàn ống	11.2.2														
8	Sai số cho phép của khe hở giữa hai đầu ống khi hàn đối đầu có lệch cạnh 10 % chiều dày thành ống:															
	- Chiều dày thành ống dưới 2,5:															
	Hàn nhiệt		0,5													
	Hàn hơi		0,5 - 1													
	- Chiều dày thành ống từ 2,5 – 3,5:															
	Hàn nhiệt		0,5 – 1													
	Hàn hơi		1,0 – 1,5													
	- Chiều dày thành ống từ 2,5 – 3,5:															
	Hàn nhiệt		1,0 – 1,5													
	Hàn hơi		1,5 - 2													
	Sai số cho phép khi lắp đặt thiết bị cấp nước bên trong	11.2.3														
9	Sai lệch của ống đứng khi đặt ống nhánh hờ so với đường thẳng đứng (trên 1m chiều dài đường ống)	11.2.3.1	2 mm													
10	Sai lệch về khoảng cách giữa ống đứng và mặt tường so với khoảng cách quy định	11.2.3.2	5 mm													
11	Sai số về độ cao đặt vòi trên chậu bể rửa, bồn trong buồng tắm so với kích thước quy định	11.2.3.3	± 10 mm													

12	Sai số về độ cao đặt vòi cứu hỏa (độ cao quy định là 1,35m)	11.2.3.4	± 20 mm													
	Sai số cho phép khi đặt các đường ống thẳng đứng của hệ thống thoát nước sinh hoạt	11.2.4														
13	Sai lệch trục đường ống theo phương thẳng đứng (trên 1m ống)	11.2.4.1	± 2 mm													
14	Sai lệch khoảng cách giữa ống và tường	11.2.4.2	± 5 mm													
15	Lệch trục đường ống so với thiết kế do ghép nối	11.2.4.3	± 5 mm													

Ghi chú:

- Kiểm tra lần 1:

Đạt:

X

Vị trí 1:

Không đạt:

O

Vị trí 2:

- Kiểm tra lần 2:

Đạt:

⊗

Vị trí 3:

Vị trí 4:

CHT CT/ Site Manager